TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2017
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Lượng;

2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 269/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Danh C, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 4, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 4, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Danh C trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Danh C và bà Nguyễn Thị K chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 04/12/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chí thú làm ăn và chăm lo cho cuộc sống gia đình, thu nhập của hai vợ chồng đủ trang trải cho cuộc sống. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mất niềm tin ở nhau, không còn thương yêu nhau, đời sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay

ông C và bà K không còn sống chung với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trần Danh C yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung cháu Trần Danh M, sinh năm 2000 và cháu Trần Danh Q, sinh năm 2012. Các cháu hiện đang sống với ông C. Khi ly hôn, ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Danh C tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp nhiều lần nhưng không đến Toà án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cho biết bà Nguyễn Thị K có đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ 4, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Về mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2017 của cháu Trần Danh M trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu M có nguyện vọng được sống với cha Trần Danh C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Danh C, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Danh C được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

+ Về con chung: Do ông Trần Danh C hiện đang nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Danh M và Trần Danh Q nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông C không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn bà Nguyễn Thị K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Danh C và bà Nguyễn Thị K là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 04/12/1996. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mất niềm tin ở nhau.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là thể hiện thái độ không chấp hành pháp luật và không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ông C và bà K đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa ông Trần Danh C và bà Nguyễn Thị K không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Trần Danh M, sinh năm 2000 và cháu Trần Danh Q, sinh năm 2012. Hiện nay các cháu đang sống với ông C. Khi ly hôn, ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Danh M và Trần Danh Q, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, ông C có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, phù hợp với ý kiến của cháu Trần Danh M và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao cho ông C được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Danh M và Trần Danh Q.

Tại phiên tòa, ông C không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử đã giải thích cho ông C rõ về quyền lợi của con chưa thành niên và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng ông C vẫn tự nguyện không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của ông C.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Trần Danh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Danh C và bà Nguyễn Thị K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Danh M, sinh ngày 18/8/2000 và Trần Danh Q, sinh ngày 26/3/2012 cho ông Trần Danh C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C về việc không yêu cầu bà K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Danh C và bà Nguyễn Thị K đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Bà K được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà K lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà K. Vì lợi ích của con chưa thành

niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Danh C phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013061 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (ông Trần Danh C không phải nộp thêm).

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Danh C có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm